TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - PT
Ngày 06- 4 - 2021
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái;

Ông Phạm Quang Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Thúy H, sinh năm 1995 (Có mặt);

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991 (Có mặt);

Địa chỉ: T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị Thuý H trình bày: Trước khi chị kết hôn

với Anh Nguyễn Văn P thì chị đã có chồng là anh Trần Trung S quê ở xã H, huyện T nhưng chị và anh S đã ly hôn nhau từ tháng 6/2018 tại Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 19/9/2018 chị kết hôn với Anh Nguyễn Văn P trước khi cưới có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, khi cưới chị là giáo viên dạy hợp đồng tại Trường tiểu học xã L còn anh P làm công nhân ở khu công nghiệp B. Cưới xong chị về chung sống cùng gia đình anh P tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, tháng 4/2019 chị làm giáo viên tại Trường tiểu học xã H, huyện B. Sau đó vợ chồng chị thuê nhà ở tại thành phố V được một thời gian thì lại thuê nhà ở tại xã H, huyện B. Cuối tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau. Ngoài ra cả chị và anh P đều khó sinh con nguyên nhân không có con là từ phía anh P, anh chị đã đi chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả nên chị và anh P đã sống ly thân từ ngày 15/8/2020. Sau đó chị chuyển đến ở nhờ nhà chị gái tại Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, chị không đồng ý với ý kiến của anh P kéo dài thời gian sống ly thân từ 02 đến 03 năm để anh đi chữa bệnh có thể sinh con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh P, nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị thì chị cũng không về chung sống với anh P.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh thừa nhận chị H trình bày đúng về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian anh chị sống cùng gia đình là hết tháng 02/2019 sau đó anh chị sinh sống tại xã H, huyện B từ tháng 10/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vấn đề kinh tế gia đình và việc anh khó sinh con dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân khó sinh con là từ anh chứ không phải chị H. Anh và chị H đã sống ly thân từ ngày 15/8/2020 trong thời gian đầu anh thường xuyên đến thăm chị H, anh vẫn đi chữa bệnh để có thể sinh con nhưng chị H không đi cùng anh, anh động viên chị H về chung sống nhưng chị không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý mà xin được đoàn tụ, anh sẽ cố gắng chữa bệnh để đảm bảo việc sinh con và đề nghị chị H cùng anh kéo dài thời gian sống ly thân từ 02 đến 03 năm để anh ổn định kinh tế tự đi chữa bệnh để có thể sinh con, trường hợp anh không thể có con thì sẽ chủ động giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H anh P xác nhận anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất nông nghiệp: Chị H anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Phùng Thị Thuý H được ly hôn với Anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Phùng Thị Thuý H và Anh Nguyễn Văn P không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất nông nghiệp: Chị Phùng Thị Thuý H và Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2020 Anh Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phùng Thị Thúy H và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho vợ chồng anh chị được về đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 67/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Văn P trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Anh Nguyễn Văn P về việc không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử cho chị Phùng Thị Thuý H được ly hôn với Anh Nguyễn Văn P.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Năm 2018 chị Phùng Thị Thuý H kết hôn với Anh Nguyễn Văn P trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống do vấn đề kinh tế và việc vợ chồng sống với

nhau nhưng không có con nên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và đã sống ly thân. Nay anh P không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ với chị H và cho rằng anh sẽ cố gắng chữa bệnh để đảm bảo việc sinh con, anh đề nghị chị H cùng anh kéo dài thời gian sống ly thân từ 02 đến 03 nhằm gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn. Mặt khác nguyên nhân không có con là do anh P chứ không phải chị H (anh P cũng thừa nhận), hơn nữa vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay nhưng hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh P là phù hợp.

Từ những nhận định trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phùng Thị Thúy H, xử cho chị H được ly hôn với anh P là hợp tình, hợp lý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Nguyễn Văn P và giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự: khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1.Không chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 51,56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử cho Chị Phùng Thị Thúy H được ly hôn Anh Nguyễn Văn P.

2.Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005294 ngày 30/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc